

最后更新20.09.2026 05:44:04

前排序表

序号	姓名	国棋ID	会	等分	俱部/城市
1	Cần, Phương Anh (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
2	Đỗ, Tuấn Tú		VIE	0	Clb Sơn Tây
3	Lê, Huyền My (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
4	Lê, Thế Lữ		VIE	0	Clb Hoàng Gia
5	Ngô, Bảo Châu		VIE	0	Clb Sơn Tây
6	Nguyễn, Bá Gia Bảo		VIE	0	Clb Hoàng Gia
7	Nguyễn, Chí Phong		VIE	0	Clb Sơn Tây
8	Nguyễn, Gia Khánh		VIE	0	Tự Do
9	Nguyễn, Hoàng An		VIE	0	Clb Hoàng Gia
10	Nguyễn, Hoàng Nam		VIE	0	Clb Sơn Tây
11	Nguyễn, Hoàng Thái Minh		VIE	0	Thôn 1 Hòa Lạc
12	Nguyễn, Long Thành		VIE	0	Tự Do
13	Nguyễn, Ngọc Phụng (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
14	Nguyễn, Quang Minh		VIE	0	Clb Hoàng Gia
15	Nguyễn, Thị Chúc Giang (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
16	Nguyễn, Trung Kiên		VIE	0	Clb Hoàng Gia
17	Phạm, Cao Đức		VIE	0	Clb Hoàng Gia
18	Trần, Hoàng Phương Anh (Nữ)		VIE	0	Clb Sơn Tây
19	Vũ, Đại An		VIE	0	Clb Sơn Tây
20	Vũ, Huy Hùng		VIE	0	Clb Thiên Trường
21	Đào, Đăng Khôi		VIE	0	CLB Hoàng Gia
22	Nguyễn, Đặng Bảo Ngọc (Nữ)		VIE	0	Thôn 1 Hòa Lạc

你找到次比所有料在 <https://chess-results.com/tnr1500060.aspx?lan=33>
国象棋比成服器: Chess-Results